

Một số giải pháp xác định bản quyền sản phẩm nội dung số ở Việt Nam nhìn từ góc độ ngôn ngữ học và bài học dành cho sinh viên chuyên ngành Biên tập xuất bản

TS. ĐẶNG MỸ HẠNH

Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Email: dangmyhanhajc@gmail.com

Nhận ngày 8 tháng 8 năm 2024; chấp nhận đăng tháng 11 năm 2024.

Tóm tắt: Trong xã hội phát triển hiện nay, theo yêu cầu của xã hội, việc chuyên nghiệp, chuyên biệt hóa công việc đã không còn là ưu thế (ngoại trừ các lĩnh vực khoa học đặc thù). Theo xu thế của xã hội hiện đại, một lao động cần phải đảm nhận được nhiều công việc. Thực tế cho thấy hiện nay, trong nhiều lĩnh vực, ngành nghề, một nhân sự được yêu cầu đảm trách nhiều công việc đã không còn xa lạ. Theo xu thế đó, trong lĩnh vực xuất bản cũng vậy. Một biên tập viên (BTV) đã không chỉ còn làm công việc biên tập, mà còn đảm nhận những vai trò khác, ví dụ vai trò giống như một nhà phê bình, thẩm định, bước đầu xác định bản quyền xuất bản phẩm. Việc xác định đúng bản quyền của một xuất bản phẩm là bước liên quan đến tính pháp lý, là bước trọng yếu; từ đó nhà xuất bản (NXB) lên kế hoạch tổ chức bản thảo và thực hiện quy trình xuất bản.

Từ khóa: bản quyền; sản phẩm nội dung số; sinh viên; chuyên ngành Biên tập xuất bản.

Abstract: In today's developing society, the demand for specialization and professionalization in work is no longer seen as a major advantage (except in certain specialized scientific fields). Modern societal trends require individuals to take on multiple roles. In fact, it is now common across many industries and professions for employees to handle diverse responsibilities. This trend is also evident in the publishing industry. Editors are no longer confined to traditional editing tasks but are also expected to take on additional roles, such as acting as critics, evaluators, or initial copyright assessors for publications. Accurately determining the copyright of a publication is a critical legal step, forming the foundation for publishers to plan, organize manuscripts, and proceed with publication.

Keywords: copyright; digital-content products; students; Publishing-Editing major.

Việc xác định bản quyền các sản phẩm nội dung số ở Việt Nam, trên một số lĩnh vực còn nhiều nan giải, ví như nội dung số các tác phẩm văn học, nghệ thuật. Có nhiều tác phẩm nổi tiếng được lưu truyền trong dân gian nhưng chưa xác định được bản quyền tác giả; hoặc có sự xuất hiện nhiều dị bản của một tác phẩm nguồn (tác phẩm ban đầu). Việc này yêu cầu BTV cần phải có chuyên môn và kỹ năng xác định bản quyền tác giả. Có nhiều yếu tố, chuyên ngành hỗ trợ BTV xác định bản quyền. Ở bài viết này, người viết tìm hiểu về vấn đề: xác định bản sản phẩm nội dung số là các tác phẩm văn học từ góc độ của khoa học ngôn ngữ. Theo đó, chia sẻ những bài học làm nghề cho sinh viên chuyên ngành biên

tập xuất bản.

1. Các khái niệm

1.1. Sản phẩm nội dung số

Sản phẩm nội dung thông tin số được định nghĩa tại Khoản 11 Điều 3 Nghị định 71/2007/NĐ-CP Hướng dẫn Luật công nghệ thông tin về công nghiệp công nghệ thông tin⁽¹⁾ như sau: sản phẩm nội dung thông tin số là sản phẩm nội dung, thông tin bao gồm văn bản, dữ liệu, hình ảnh, âm thanh được thể hiện dưới dạng số, được lưu giữ, truyền đưa trên môi trường mạng.

Theo quy định pháp luật hiện hành thì sản phẩm nội dung thông tin số hiện nay bao gồm các loại sản phẩm sau:

- a) Giáo trình, bài giảng, tài liệu học tập dưới dạng điện tử;
- b) Sách, báo, tài liệu dưới dạng số;
- c) Các loại trò chơi điện tử bao gồm trò chơi trên máy tính đơn, trò chơi trực tuyến, trò chơi trên điện thoại di động, trò chơi tương tác qua truyền hình;
- d) Sản phẩm giải trí trên mạng viễn thông di động và cố định;
- đ) Thư viện số, kho dữ liệu số, từ điển điện tử;
- e) Phim số, ảnh số, nhạc số, quảng cáo số;
- g) Các sản phẩm nội dung thông tin số khác.

1.2. Khái niệm bản quyền

Bản quyền theo Từ điển tiếng Việt là: quyền tác giả hay nhà xuất bản về một tác phẩm, được luật pháp quy định⁽²⁾; theo Từ điển Xuất bản Việt Nam (sơ thảo) bản quyền là quyền của cá nhân, tổ chức đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu, còn gọi là quyền tác giả, tác quyền⁽³⁾. Như vậy, bản quyền được hiểu thống nhất là quyền tác giả sau đó đến tổ chức (có thể là nhà xuất bản hoặc một tổ chức khác) có quyền đối với tác phẩm. Việc xác định bản quyền không chỉ bảo đảm quyền và lợi ích cho tác giả mà còn đảm bảo được tính pháp lý cho nhà xuất bản. Trong điều kiện có nhiều chiều thông tin thật, giả lẫn lộn như hiện nay, việc xác định tính pháp lý cho tác giả và nhà xuất bản đã và đang trở nên quan trọng hơn bao giờ hết.

1.3. Khái niệm bản quyền sản phẩm nội dung số trong xuất bản

Thuật ngữ số được sử dụng trong nhiều định danh chuyên môn cũng như trong đời sống hiện nay, ví dụ Chính phủ số, thương mại số, xuất bản số, kinh tế số, chính quyền số. Khái niệm số được hiểu là toàn bộ các hoạt động (của một tổ chức, một lĩnh vực nào đó) được triển khai và vận hành trên nền tảng hệ thống công nghệ thông tin. Từ đó, có thể hiểu bản quyền sản phẩm nội dung số trong xuất bản là quyền tác giả hay nhà xuất bản về việc tổ chức, khai thác các sản phẩm nội dung, thông tin bao gồm văn bản, dữ liệu, hình ảnh, âm thanh được thể hiện dưới dạng số, được lưu giữ, xử lý thông qua hệ thống công nghệ thông tin và được truyền đưa trên môi trường mạng Internet.

Các sản phẩm nội dung số trong xuất bản bao gồm:

- a. Giáo trình, bài giảng, tài liệu học tập dưới dạng

điện tử;

- b. Sách, báo, tài liệu dưới dạng số;
- c. Sản phẩm giải trí trên mạng viễn thông di động và cố định (như email, FB);
- đ) Thư viện số, kho dữ liệu số, từ điển điện tử;
- e) Phim số, ảnh số, nhạc số, quảng cáo số;
- g) Các sản phẩm nội dung thông tin số khác (như tờ rơi, băng, biển hiệu, áp phích).

Với định nghĩa trên, khái niệm Bản quyền sản phẩm nội dung số trong xuất bản đã được mở ra rất rộng. Trong xã hội hiện đại ngày nay, nó có thể hiểu với các biên độ mở như sau:

Thứ nhất, đó là bản quyền đối với các văn bản, tác phẩm sẽ được thực hiện bằng cách đưa lên môi trường mạng Internet thông qua cách xử lý bằng hệ thống công nghệ thông tin.

Thứ hai, đó là bản quyền đối với các văn bản, tác phẩm mà tác giả hoặc nhà xuất bản vừa thực hiện bằng công nghệ in ấn vừa bằng các công nghệ truyền tin khác thông qua hệ thống công nghệ thông tin. Trong nghiên cứu này, tác giả sẽ trao đổi về bản quyền sản phẩm nội dung số trong xuất bản với phạm vi sau:

+ Một là, bản quyền sản phẩm nội dung số trong xuất bản là bản quyền đối với các văn bản, tác phẩm được xuất bản bằng cách đưa lên môi trường mạng Internet thông qua cách xử lý bằng hệ thống công nghệ thông tin

+ Hai là, bản quyền sản phẩm nội dung số trong xuất bản là bản quyền đối với các loại văn bản, tác phẩm sau đây khi được xuất bản bằng cả hai hình thức in ấn và đưa lên môi trường mạng Internet thông qua cách xử lý bằng hệ thống công nghệ thông tin (số hóa)

Các loại văn bản, tác phẩm được đề cập đến trong bài viết này là các giáo trình, bài giảng, tài liệu học tập; sách, báo, tài liệu; thư (tay, email), nhật ký, ghi chép (nhật ký, ghi chép bằng tay hoặc điện tử); thư viện; từ điển điện tử; quảng cáo số/ điện tử; sản phẩm nội dung thông tin số/ điện tử khác (như tờ rơi, băng, biển hiệu, áp phích, các câu slogan có tính chất định hướng tư tưởng, giáo dục (kiểu như (làm) ngay và luôn; sống chậm lại, nghĩ khác đi, yêu thương nhiều hơn; học để thoát nghèo)). Điểm chung của các loại văn bản này là sử dụng ngôn ngữ

làm phương tiện duy nhất để giao tiếp (bài giảng, tài liệu học tập) hoặc ngôn ngữ là phương tiện chính/chủ yếu, có sự kết hợp với các phương tiện phi ngôn ngữ khác như âm thanh, hình ảnh, ánh sáng. Các sản phẩm nội dung số nêu trên được gọi là các ngôn bản. Theo tác giả Đinh Thị Hồng Vân, ngôn bản là "một sản phẩm của quá trình giao tiếp, đó là sản phẩm của một sự kết hợp giữa nhiều yếu tố ngôn ngữ và phi ngôn ngữ"⁽⁴⁾. Khi được xuất bản dưới dạng số, chúng là ngôn bản số.

1.4. Bản quyền sản phẩm nội dung số trong xuất bản nhìn từ phạm vi ngôn ngữ học

Có nhiều góc độ nghiên cứu về cách xác định bản quyền, chẳng hạn như góc độ sử học, địa lý học, tâm lý học, văn hóa học hoặc các khoa học liên ngành như tâm lý - văn hóa học; văn hóa học - văn học; sử học - văn học. Một trong số đó là cách xác định bản quyền từ góc độ ngôn ngữ học, với các định đề khoa học ngôn ngữ và các ứng dụng của chúng trong việc xác định bản quyền ngôn bản số. Tuy chưa thể trao đổi hết mọi khía cạnh vận dụng ngôn ngữ học song bài viết này mong muốn trao đổi với những người đang làm nghề hoặc các sinh viên ngành xuất bản hiểu thêm và nắm được một số phương pháp nhất định trong việc ứng dụng ngôn ngữ học vào một khâu trọng yếu của xuất bản: khâu xác định bản quyền ngôn bản số ở Việt Nam hiện nay.

2. Những giải pháp xác định, đảm bảo bản quyền sản phẩm nội dung số trong xuất bản ở Việt Nam hiện nay trong phạm vi của khoa học ngôn ngữ

2.1. Giải pháp xác định bản quyền về nội dung trong xuất bản ngôn bản số

2.1.1. Những cơ sở khoa học ngôn ngữ cơ bản ứng dụng trong việc xác định, đảm bảo bản quyền về nội dung của ngôn bản

- Giá trị khu biệt của ngôn ngữ

Theo tác giả Nguyễn Thiện Giáp, "trong một hệ thống tín hiệu, cái quan trọng nhất là sự khu biệt. Thuộc tính vật chất của mỗi tín hiệu ngôn ngữ thể hiện ở những đặc trưng có khả năng phân biệt của nó"⁽⁵⁾. Giá trị khu biệt, hiểu đơn giản nhất, đó là sự khác biệt giữa các tín hiệu trong cùng một hệ thống tín hiệu, ví dụ sự khác biệt màu xanh, đỏ, tím, vàng

đã làm nên giá trị khu biệt tín hiệu của ba màu tín hiệu đèn báo giao thông của hệ thống đèn giao thông. Ngôn ngữ cũng vậy. Ví dụ, hai từ: nhà sàn và sàn nhà, có sự khu biệt về nghĩa vì sự giao hoán hai vị trí của hình vị nhà và sàn; các từ nhà cỏ, nhà cũ, nhà xưa; nhà nghèo, nhà giàu; nhà mái ngói, nhà mái bằng; nhà tranh vách đất, nhà trình tường; nhà đá, nhà tù sự khu biệt nằm ở các từ khác nhau kết hợp với từ chung nhà. Về câu cũng vậy, ví dụ hai câu sau đây:

Câu 1: Cho đến hôm nay (29/7), người dân tại xã Mường Pồn huyện Điện Biên vẫn chưa hết bàng hoàng vì cơn lũ lớn quét qua một cách đột ngột, cuốn theo toàn bộ nhà cửa, gia súc và làm thiệt hại tới bốn người; đau xót hơn, trong số đó, có hai người cùng trong một gia đình.

Câu 2: Cho đến hôm nay (29/7), người dân tại Điện Biên, Lào Cai, Hà Giang vẫn chưa hết bàng hoàng vì những cơn mưa, lũ lớn hoành hành, làm thiệt hại nhiều nhà cửa, gia súc và gây thiệt mạng tới khoảng mười người; đau xót hơn, trong số đó, có những người cùng trong cùng một gia đình.

Ở hai câu trên, tuy cấu trúc câu giống nhau, nhưng có sự khác nhau về từ, cụm từ, đã tạo nên sự khu biệt về nghĩa giữa hai câu. Câu 1, nêu thực trạng thiệt hại trong lũ ở xã Mường Pồn; câu 2 nêu thực trạng thiệt hại do mưa lũ ở ba tỉnh Điện Biên, Lào Cai, Hà Giang.

Sự khu biệt toàn ngôn bản được đối chiếu, so sánh ở từng cấp độ từ vựng, câu, đơn vị trên câu (đoạn văn) với các bình diện kết học, nghĩa học, phong cách học, dụng học. Giá trị của sự khu biệt dùng để xác định tính nguyên bản của ngôn bản, phát hiện những ngôn bản giả, "nhái". Ví dụ, thương hiệu Winmart dễ bị nhầm lẫn với Vinmart. Nhưng nếu hiểu sự khu biệt nằm ở chữ cái thể hiện âm vị /W/ và /V/, người tiêu dùng sẽ không bị nhầm lẫn hai chuỗi siêu thị bán lẻ lớn nhất Việt Nam.

- Tính hệ thống của ngôn ngữ

Ngôn ngữ là một hệ thống tín hiệu chặt chẽ và phức tạp. Hệ thống ngôn ngữ được tạo bởi sự liên kết chặt chẽ giữa các hệ thống con (hệ thống nhỏ hơn) trong chính thể (ngôn ngữ) như hệ thống âm vị; hệ thống các hình vị, từ, câu và cách liên kết theo trục ngang/ trục tuyến tính và trục dọc/ trục liên

tường của ngôn ngữ với các mạng lưới và các kiểu liên kết cùng một lúc được **□vận hành□** trong quá trình giao tiếp. Như vậy, nếu một yếu tố ngôn ngữ nào đó **□lạc□** hệ thống, người kiểm định có thể tìm ra nguyên nhân, lý do và từ đó xác định được ngôn bản gốc, tác giả của ngôn bản gốc và các phiên bản của nó.

Ví dụ: Để xác định nguyên bản và phiên bản của hai câu thơ sau, để trả lại bản quyền cho nhà thơ:

Câu thơ 1: *Gió theo lối gió, mây đường mây*

Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay

Câu thơ 2: *Gió theo chốn gió, mây đường mây*

Dòng nước buồn thiu, hoa chẳng lay

Cần dựa vào tính hệ thống của ngôn ngữ. Trước hết là hệ thống về vần điệu, hệ thống nghĩa; hệ thống hình ảnh được gọi ra từ ngôn từ. Về hệ thống vần điệu (thanh điệu, ngôn điệu, hiệp vần); sự thay thế tạo nên sự khu biệt cao độ ở âm bậc - cao và âm chẳng - thấp.

Về nghĩa: câu thơ 1 (ví dụ 1), hai từ chỉ có một kiểu đường (đi), lối (đi) vì sử dụng hai từ đồng nghĩa về ý niệm con đường: đường, lối; câu 1 (ví dụ 2), sự thay thế chốn thay đường đã chuyển từ nghĩa đường đi sang nơi chốn (trú ngụ). Do đó, sự kết hợp nghĩa của đường (mây) và chốn (gió) đang bị lệch hệ thống, Bởi vậy, từ chốn là không đúng.

Câu thơ thứ hai (ví dụ 1), hoa được gọi tên (hoa bắp); dòng chảy cũng có tên gọi: dòng nước; như vậy, các sự vật xuất hiện ở đây đều có tên gọi: dòng nước và hoa bắp. Nhưng cũng câu thứ hai (ví dụ 2), chỉ một sự vật được gọi tên (dòng nước), không gọi tên cụ thể của loài hoa. Đó là sự khu biệt về từ ngữ. Đặt trong hệ thống hình ảnh, dòng thơ hai ở ví dụ 1, các sự vật có hoạt động thể hiện trạng thái, cụ thể là dòng nước: buồn thiu; hoa bắp: lay; ở dòng hai ví dụ 2, chỉ còn dòng nước: buồn thiu và hoa - không rõ hoa gì: chẳng lay. Như vậy, tính hệ thống đang không được thực hiện chặt chẽ. Xét về giá trị biểu cảm, ta thấy xuyên suốt toàn tác phẩm là nỗi buồn sâu lắng, khó nói thành tên của tác giả. Điều đó được thể hiện qua việc nhà thơ tuy có ngấm nhìn từng sự vật - nên gọi được thành tên sự vật (dòng nước, hoa bắp), nhưng đều nhận thấy chúng buồn hiu hắt. Đó mới là buồn đến độ. Còn nếu chỉ ngấm mây trời chung chung, không gọi được từng cảnh, từng vật

ngấm được, sẽ thể hiện nỗi buồn mênh mang, miên man. Đặt trong hệ thống hình ảnh, cảm xúc của chỉnh thể tác phẩm, nhà thơ đang thể hiện nỗi buồn sâu nặng không nói được thành lời. Với tất cả những lý do đó, hai câu thơ ở ví dụ số 1 là câu gốc của tác giả.

- Tính tín hiệu của ngôn ngữ

Một ngôn bản được tạo lập, nội dung của ngôn bản không chỉ nói về nội dung được thể hiện trên bề mặt ngôn từ. Đó là cái được biểu đạt. Tuy nhiên, còn có các ý nghĩa khác được thể hiện đằng sau cái đã được biểu đạt. Đó là tầng nghĩa hàm ẩn, phía sau ngôn ngữ. Công chúng cần hiểu hàm ẩn phía sau điều ngôn ngữ thể hiện ra. Như vậy, ngôn ngữ là một **□mã□** vật chất hay còn gọi là tín hiệu mà công chúng đọc, nghe, thấy, hiểu được ở tầng nghĩa thứ nhất. Chẳng hạn bài ca dao sau đây là một tín hiệu ngôn ngữ:

Thân em như tấm lụa đào,

Phát phơ giữa chợ, biết vào tay ai

Thông điệp của tín hiệu này là các tầng nghĩa sau: người phụ nữ là phái đẹp (như tấm lụa đào), nhưng họ không được quyền làm chủ cuộc đời, số phận của mình (tấm lụa (được bán) giữa chợ nên không thể biết ai sẽ mua nó. Tấm lụa chỉ biết trông chờ vào sự may rủi). Bởi vậy, vẻ đẹp của người con gái (tấm lụa) rất mong manh, yếu ớt (phát phơ). Tấm lụa - cũng như người phụ nữ xưa cũng chỉ là một loại hàng hóa, mà bản thân xã hội phong kiến vừa là người bán vừa là người mua.

Hiện nay, Viện Văn học, Viện Hán Nôm còn nhiều ngôn bản cần xác định bản quyền - nhất là ngôn bản văn học trung đại (nhiều ngôn bản giai đoạn này vẫn đang được chú thích khuyết danh hoặc đang được cho là của hai tác giả); hoặc xác định trong nhiều bản đang được lưu truyền thì bản nào là nguyên bản. Cần nhiều lĩnh vực khoa học kết hợp để xác định nguyên bản và bản quyền nhưng với khoa học ngôn ngữ, bản quyền được xác định dựa trên sự ứng dụng của các định đề khoa học về tính khu biệt, tính hệ thống và tính tín hiệu là cơ bản.

2.1.2. *Những giải pháp xác định, đảm bảo bản quyền về sản phẩm nội dung số trong xuất bản ở Việt Nam hiện nay nhìn từ góc độ ngôn ngữ học*

- Giải pháp xác định, đảm bảo bản quyền về nội

dung sản phẩm nội dung số trong xuất bản

Để đảm bảo bản quyền về nội dung trong sản phẩm số của các ngôn bản trong xuất bản, BTV cần nắm vững giá trị khu biệt của ngôn ngữ. Muốn như vậy, việc trang bị kiến thức ngôn ngữ học đủ để biết cách ứng dụng trong quá trình xác định bản quyền ngôn bản là cần thiết. Để có được kiến thức khoa học và kỹ năng ứng dụng, các giải pháp cụ thể sau cần được thực hiện: Về phía người học, cần năng lực tự học và năng lực đọc ngôn bản với các yêu cầu đọc hiểu - đọc phân tích - đọc đối chiếu, so sánh, cuối cùng là đọc thẩm định. Với các yêu cầu cao về kỹ năng đọc như vậy đối với một BTV, việc đọc để đối chiếu, tìm ra sự khác nhau của các ngôn bản nằm ở giá trị khu biệt của từng cấp độ ngôn ngữ mà mỗi ngôn bản thể hiện, chẳng hạn hai ngôn bản (hai câu tục ngữ) cái khó ló cái khôn và cái khó bó cái khôn, cái khó giá trị khu biệt nằm ở từ ló và từ bó; trong hai từ này, giá trị khu biệt về âm nằm ở âm /l/ và âm /b/; hoặc:

Ngôn bản 1:

Thấy chàng xứ Huế ra thi

Mấy cô gái Huế chân đi không đành

Ngôn bản 2:

Mấy chàng xứ Huế ra thi

Thấy cô gái Huế chân đi không đành

Là hai ngôn bản, trong đó, giá trị khu biệt nằm ở sự hoán đổi vị trí của hai từ *mấy* và *thấy*. Sự hoán đổi này đã tạo ra hai ngôn bản với hai tín hiệu khu biệt về nội dung và ý nghĩa. Ngôn bản 1 thể hiện sự tự hào của các chàng trai xứ Quảng; ngôn bản 2 thể hiện niềm kiêu hãnh của các cô gái xứ Huế. Qua hai ví dụ được phân tích, sự khu biệt của ngôn ngữ được thể hiện tinh tế, yêu cầu kỹ năng đọc của một BTV nói chung và người học làm BTV tương lai nói riêng cần có một năng lực đọc và hiểu ngôn bản. Về phía khoa chủ quản, cần tạo nhiều hình thức học linh hoạt như tọa đàm, thảo luận trong đó có việc xây dựng các kế hoạch tọa đàm, thảo luận chuyên đề về ngôn ngữ học; chú trọng các kiến thức ngôn ngữ học thiết yếu có khả năng ứng dụng trong lĩnh vực xuất bản. Về phía lực lượng giảng dạy ngôn ngữ học, các giảng viên cần trở thành những chuyên gia vừa hướng dẫn khoa học vừa hướng dẫn nghề nghiệp cho sinh viên. Nếu người dạy tách khoa học ngôn

ngữ và ứng dụng của nó trở thành hai mảng khác biệt, người học sẽ không biết cách áp dụng trong nghề nghiệp. Về phía nhà trường, việc tạo cơ chế cho sinh viên thực hiện nhiều hơn các giờ học như tọa đàm, thảo luận chuyên đề; học ngoài thực tiễn (không tính thời gian kiến tập, thực tập) về chuyên đề ứng dụng ngôn ngữ học trong xuất bản nói chung và ứng dụng trong cách xác định bản quyền ngôn bản nói riêng là sự tạo điều kiện cho sinh viên hiểu nghề và dám chấp nhận nghề nghiệp.

2.2. Giải pháp xác định, đảm bảo bản quyền về hình thức sản phẩm nội dung số trong xuất bản

2.2.1. *Những cơ sở khoa học ngôn ngữ cơ bản ứng dụng trong việc đảm bảo bản quyền về hình thức của ngôn bản.* Hình thức của ngôn bản liên quan tới kết cấu theo đặc trưng loại hình của ngôn bản. Do vậy, việc nắm được tính hệ thống của ngôn ngữ là điều căn cốt. Tính hệ thống của ngôn ngữ được tạo bởi các hệ thống nhỏ (con) như hệ thống âm vị, hình vị, từ, câu, đơn vị trên câu (đoạn văn) và sự liên kết của các hệ thống con này tạo nên những hệ thống lớn hơn, làm nên mạng lưới liên kết. Mạng lưới liên kết này tạo nên chỉnh thể ngôn bản. Trở lại với ví dụ:

Mấy chàng xứ Huế ra thi

Thấy cô gái Huế chân đi không đành

Tính hình thức được thể hiện ở sự liên kết của hệ thống các âm, vần, thanh bằng - trắc tạo nên câu thơ lục bát. Ở đây, các thanh bằng □trắc; số lượng tiếng 6 - 8 và cách hiệp vần đúng niêm luật của thể thơ lục bát đã được thực hiện nhờ hệ thống của các tiếng và vị trí sắp xếp của chúng trong hai dòng lục bát. Với các loại hình văn bản khác nhau, BTV cần nắm được đặc trưng loại hình để xác định đúng kết cấu của ngôn bản, theo đó là hệ thống các yếu tố tạo nên kết cấu đó. Muốn đạt được sự hiểu biết này, người làm xuất bản cần có tư duy so sánh ở cấp độ toàn văn của ngôn bản.

2.2.2. *Giải pháp xác định, đảm bảo bản quyền về hình thức ngôn bản.* Các hình thức học như trao đổi, đối thoại với tác giả, nghe để hiểu lý do tác giả lựa chọn hình thức ngôn bản là cần thiết và tạo sự hấp dẫn, động lực cho tinh thần khoa học và sự thực hành nghề nghiệp. Muốn có được điều đó, bên cạnh sự vận động của mỗi cá nhân, khoa, trường cần liên

hệ với tác giả/ nhóm tác giả để nghe sự chia sẻ cách lựa chọn hình thức ngôn bản. Đây là hoạt động góp phần làm dày hơn kiến thức khoa học về cách ứng dụng ngôn ngữ.

2.3. Giải pháp xác định, đảm bảo bản quyền về quan điểm, thái độ, nhận thức của sản phẩm nội dung số trong xuất bản

Muốn đảm bảo bản quyền về quan điểm, thái độ, nhận thức của sản phẩm nội dung số, BTV cần nắm rõ tính tín hiệu của ngôn ngữ. Như trên đã phân tích, ngôn ngữ là bề mặt để thể hiện thông điệp ẩn đằng sau nó. Thông điệp đó là ý nghĩa sâu xa hơn nội dung [bề mặt], biểu thị thái độ, quan điểm của tác giả phía sau từ ngữ. Bởi vậy, BTV cần hiểu sâu sắc văn bản để giải mã được thông điệp được chuyển tải nhờ tín hiệu ngôn ngữ. Để thực hiện được điều này, người học cũng như BTV cần được trao đổi với các chuyên gia phê bình văn học, các nhà phân tích báo chí. Do vậy, khoa, trường có cơ sở đào tạo BTV cần có mối liên hệ sâu, rộng với các nhà phê bình, bình luận, phân tích để hỗ trợ công tác đào tạo của nhà trường.

3. Một số bài học dành cho sinh viên chuyên ngành biên tập xuất bản trong việc xác định bản quyền ngôn bản số ở Việt Nam hiện nay

Bài học thứ nhất: cần cẩn trọng khi tiếp nhận ngôn bản bởi lẽ, trong xã hội công nghệ hiện nay, bên cạnh những di bản do xã hội tạo ra còn có loại phiên bản của AI - trí tuệ nhân tạo. Có thể nói, chưa bao giờ việc xác định bản quyền ngôn bản đầy thách thức như hiện nay. Với những loại hình ngôn bản đơn nghĩa, cách xác định bản quyền yêu cầu BTV có tính logic tư duy cao; với những ngôn bản hàm ngôn (loại hình ngôn bản nghệ thuật), cần sự thâm định bằng tư duy của lý trí và cảm xúc. AI có thể được huấn luyện để có độ logic cao nhưng không thể có tư duy xúc cảm như con người. Đây là sự khác biệt mà trí tuệ nhân tạo chưa thể thay thế con người, đặc biệt là trong việc xác định bản quyền ngôn bản. Song sự chi phối của tư duy cảm xúc trong việc xác định bản quyền ngôn bản phụ thuộc lớn vào việc xử lý (độ hiểu) ngôn bản được tiếp nhận. Do đó, việc nắm vững kiến thức về ngôn ngữ học cần phải được coi trọng hơn nữa so với thực trạng của sinh viên hiện nay.

Bài học thứ hai: việc so sánh các phiên bản khác nhau không cho phép các BTV so sánh, đối chiếu cứng nhắc. Các BTV cần nắm được nguyên tắc: nắm vững tổng thể - tính chỉnh thể của ngôn bản, đó là cơ sở để xem xét các yếu tố ngôn ngữ bên trong ngôn bản. Nếu đối chiếu, so sánh từ các thành tố trong ngôn bản trước khi hiểu tính chỉnh thể của nó là cách làm thiếu tính khoa học.

Bài học thứ ba: việc xác định bản quyền ngôn bản số không chỉ cần sự hiểu biết sâu sắc của các định đề ngôn ngữ nêu trên mà còn cần sự hiểu biết về các bình diện khác của ngôn ngữ học như phong cách học; các lĩnh vực khác như văn hóa học, sử học, tâm lý học. Do vậy, bên cạnh khoa học ngôn ngữ, BTV cần thông tỏ các chuyên môn liên quan để vận dụng tốt nhất, đúng nhất trong việc xác định bản quyền ngôn bản số.

Từ góc độ ngôn ngữ học, các ứng dụng của khoa học này nằm trong các thuộc tính của ngôn ngữ; đó là tính khu biệt, tính tín hiệu, tính hệ thống. Một trong những ứng dụng của các thuộc tính này là giúp các BTV xác định đúng bản quyền sản phẩm nội dung số. Người học, bên cạnh sự tự trang bị kiến thức còn cần sự hỗ trợ của nhà trường về hình thức học tập, sự trao đổi với tác giả và với các nhà phê bình như phê bình văn học - nghệ thuật, các nhà phân tích báo chí. Trong thời đại công nghệ số như hiện nay, việc làm chủ kiến thức khoa học càng trở nên cần thiết trong đó có ngôn ngữ học./.

(1) Khoản 11 Điều 3 Nghị định 71/2007/NĐ-CP Hướng dẫn Luật công nghệ thông tin về công nghiệp công nghệ thông tin. (<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Nghi-dinh-71-2007-ND-CP-huong-dan-luat-cong-nghe-thong-tin-19231.aspx>).

(2) Hoàng Phê (chủ biên) (2003), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng.

(3) Nguyễn Như Ý, Đinh Xuân Dũng (đồng chủ biên), (2022), *Từ điển Xuất bản Việt Nam (sơ thảo)*, Nxb. Thông tin và Truyền thông.

(4) Đinh Thị Hồng Vân (2010), *Những phân tích cơ bản về việc hiểu nghĩa ngôn bản gốc trong dịch*, số 5 (175)-2010, Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống.

(5) Nguyễn Thiện Giáp (2020), *Dẫn luận ngôn ngữ học*, Nxb. Giáo dục Việt Nam.